

Số: *12* /2010/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *29* tháng *4* năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định 21/2008/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên tại Tờ trình số 723/TTr-STNMT ngày 14/12/2009.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 77/2004/QĐ-UBND ngày 31/8/2004 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- CV: TKCT, TNMT, XD CB, KITH;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cường

QUY ĐỊNH

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH HUNG YÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2010/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 4 năm 2010 của UBND tỉnh Hưng Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này nhằm cụ thể hoá các văn bản pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Mọi hoạt động của các tổ chức cá nhân liên quan đến môi trường đều phải tuân theo các văn bản pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường và nội dung của Quy định này.

2. Mọi tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường và chấp hành các chế độ kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh

1. Phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh phải gắn liền với bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững. Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn xã hội; là quyền và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

2. Hoạt động bảo vệ môi trường là việc làm thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính kết hợp với khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra.

3. Thực hiện nguyên tắc người gây thiệt hại đối với môi trường phải chịu trách nhiệm khắc phục, bồi thường.

4. Sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, khuyến khích phát triển công nghiệp sạch, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải.

5. Nhà nước khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền kết hợp với áp dụng các biện pháp hành chính, kinh tế để xây dựng, nâng cao ý thức tự giác, kỷ cương trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Chưa được triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận đăng ký, cam kết bảo vệ môi trường.
3. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản kê khai các hoạt động sản xuất có ảnh hưởng đến môi trường; bản cam kết bảo vệ môi trường đã đăng ký, đã được xác nhận.
4. Phòng ngừa, hạn chế, khắc phục các tác động xấu đối với môi trường do hoạt động của mình gây ra.
5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động trong cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình.
6. Xây dựng kế hoạch quan trắc và giám sát môi trường định kỳ theo cam kết và báo cáo kết quả hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở định kỳ hàng năm đến cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo phân cấp.
7. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường.
8. Nộp thuế môi trường, phí bảo vệ môi trường.
9. Đối với các cơ sở khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh phải thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đối với các dự án đầu tư, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh

1. Các dự án đầu tư thuộc danh mục kèm theo Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.
2. Các dự án đầu tư được quy định tại Điều 24 Luật Bảo vệ môi trường phải lập bản cam kết bảo vệ môi trường gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án xác nhận đăng ký.

Điều 6. Bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp,

1. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:
 - a) Tỷ lệ diện tích đất được phủ cây xanh tối thiểu phải đạt trên 15% tổng diện tích của khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

b) Bố trí các phân khu chức năng hợp lý, rõ ràng phù hợp với tính chất hoạt động của khu, cụm công nghiệp, đảm bảo giảm thiểu tác động xấu đến môi trường xung quanh và các khu chức năng với nhau.

c) Có đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu gom, tập trung chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và đáp ứng các yêu cầu tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;

d) Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan môi trường, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng và người lao động;

đ) Có hệ thống quan trắc môi trường tự động các thông số như pH, DO, TSS và các thông số đặc trưng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

e) Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

2. Việc triển khai các dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung chỉ được thực hiện sau khi đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này và được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận.

3. Chủ khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, dự án đầu tư bên trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;

b) Quản lý hệ thống thu gom, tập trung chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung và hệ thống xử lý khí thải;

c) Tổ chức quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường, tổng hợp, xây dựng báo cáo môi trường định kỳ 06 tháng (hoặc đột xuất) báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Đối với các dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Nghị định 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP thực hiện việc tham vấn cộng đồng bằng cách gửi văn bản xin ý kiến về vấn đề môi trường đến Ban quản lý khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung và các cơ sở liên kế đã có hoạt động đầu tư trước đó; không phải lấy ý kiến Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn.

Điều 7. Bảo vệ môi trường đối với làng nghề

1. Việc quy hoạch, xây dựng, cải tạo và phát triển làng nghề phải gắn với bảo vệ môi trường. Làng nghề phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường; tổ chức thu gom và phân loại rác thải tại nguồn, vận chuyển rác thải đến nơi quy định của địa phương. Nhà nước khuyến khích phát triển khu, cụm công nghiệp làng nghề có chung hệ thống kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm của các làng nghề trên địa bàn mình quản lý và có kế hoạch giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường của làng nghề bằng các biện pháp sau đây:

a) Cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung;

b) Quy hoạch khu, cụm công nghiệp làng nghề để di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư;

3. Cơ sở sản xuất trong các khu, cụm công nghiệp làng nghề phải thực hiện các yêu cầu sau đây về bảo vệ môi trường:

a) Nước thải phải được thu gom và chuyển về hệ thống xử lý nước thải tập trung; trường hợp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung thì phải có biện pháp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi thải ra môi trường chung;

b) Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn và chuyển về khu tập kết chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải; trường hợp chất thải rắn có yếu tố nguy hại thì phải được phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại;

c) Đóng góp kinh phí xây dựng kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường và nộp đầy đủ phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Bảo vệ môi trường đối với bệnh viện và các cơ sở y tế

1. Bệnh viện và các cơ sở y tế khác phải thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây:

a) Có hệ thống hoặc biện pháp thu gom, xử lý nước thải y tế và vận hành thường xuyên, đạt tiêu chuẩn môi trường;

b) Bố trí thiết bị chuyên dụng để phân loại bệnh phẩm, rác thải y tế tại nguồn;

c) Có biện pháp xử lý, tiêu hủy bệnh phẩm, rác thải y tế, thuốc hết hạn sử dụng đảm bảo vệ sinh, tiêu chuẩn môi trường;

d) Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường do chất thải ngành y tế gây ra;

đ) Chất thải rắn, nước thải sinh hoạt của bệnh nhân phải được xử lý sơ bộ loại bỏ các mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về cơ sở xử lý, tiêu hủy tập trung;

2. Bệnh viện, các cơ sở y tế khác điều trị bệnh truyền nhiễm phải cách xa khu dân cư và nguồn nước.

Bệnh viện, các cơ sở y tế khác xây dựng mới điều trị các bệnh truyền nhiễm không được đặt trong khu dân cư.

3. Các cơ sở chiếu xạ, dụng cụ thiết bị y tế có sử dụng chất phóng xạ phải đáp ứng yêu cầu về an toàn hạt nhân và an toàn bức xạ theo quy định của pháp luật về môi trường và pháp luật về an toàn hạt nhân, an toàn bức xạ.

4. Người lao động trong bệnh viện, các cơ sở khác có hoạt động liên quan đến chất thải y tế phải được trang bị quần áo, thiết bị đảm bảo an toàn, tránh lây nhiễm dịch bệnh từ chất thải y tế.

Điều 9. Bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng

1. Quy hoạch xây dựng phải tuân thủ tiêu chuẩn và yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Việc thi công công trình xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu bảo vệ môi trường sau đây:

a) Công trình xây dựng trong khu dân cư phải có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá tiêu chuẩn cho phép;

b) Nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

Điều 10. Bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải

1. Quy hoạch giao thông phải tuân thủ tiêu chuẩn và yêu cầu về bảo vệ môi trường; trước khi xây dựng đường giao thông, chủ đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hoặc xác nhận.

2. Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, chất thải phải được che chắn, không để rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường trong khi tham gia giao thông.

3. Việc vận chuyển hàng hoá, vật liệu có nguy cơ gây sự cố môi trường phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng, bảo đảm không rò rỉ, phát tán ra môi trường;

b) Có giấy phép vận chuyển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Khi vận chuyển phải theo đúng tuyến đường và thời gian quy định trong giấy phép;

d) Các phương tiện giao thông không được xả khí thải vượt tiêu chuẩn cho phép.

Điều 11. Bảo vệ môi trường trong nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá

1. Máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, hoá chất, hàng hoá nhập khẩu phải đáp ứng tiêu chuẩn môi trường.

2. Cấm nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, hoá chất, hàng hoá sau đây:

- a) Máy móc, thiết bị, phương tiện không đạt tiêu chuẩn môi trường;
- b) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hoá chất, hàng hoá thuộc danh mục cấm nhập khẩu;
- c) Máy móc, thiết bị, phương tiện bị nhiễm chất phóng xạ, vi trùng gây bệnh, chất độc khác chưa được tẩy rửa hoặc không có khả năng làm sạch;
- d) Thực phẩm, thuốc y tế, thuốc bảo vệ động vật, thực vật đã hết hạn sử dụng hoặc không đạt tiêu chuẩn về chất lượng;

3. Hàng hoá, thiết bị, phương tiện có khả năng gây ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường quá cảnh qua địa bàn tỉnh Hưng Yên phải được phép và chịu sự kiểm tra chặt chẽ về môi trường của Sở Tài nguyên và môi trường, Chi cục Hải quan Hưng Yên.

Điều 12. Bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu

1. Phế liệu nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây:

- a) Đã được cắt bỏ, tháo dỡ, phân loại, làm sạch, không lẫn những vật liệu, vật phẩm, hàng hoá cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật;
- b) Không chứa chất thải, các tạp chất nguy hại, trừ tạp chất không nguy hại bị rời ra trong quá trình bốc xếp, vận chuyển;
- c) Thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định;

2. Tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, tái chế phải có đủ các điều kiện sau đây mới được phép nhập khẩu phế liệu:

- a) Có kho, bãi dành riêng cho việc tập kết phế liệu bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường;
- b) Có đủ năng lực xử lý các tạp chất đi kèm với phế liệu nhập khẩu;
- c) Có công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu đạt tiêu chuẩn môi trường.

3. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- b) Chậm nhất là 05 (năm) ngày trước khi tiến hành bốc dỡ phải thông báo bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường về chủng loại, số lượng, trọng lượng phế liệu, cửa khẩu nhập, tuyến vận chuyển, kho, bãi tập kết phế liệu và nơi đưa phế liệu vào sản xuất;

c) Xử lý tạp chất đi kèm phế liệu nhập khẩu; không được cho, bán tạp chất đó.

Điều 13. Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, phục hồi môi trường sau đây:

a) Thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường;

b) Thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn thông thường; trường hợp chất thải có yếu tố nguy hại thì quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại;

c) Có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại ra môi trường xung quanh;

d) Làm thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định của Luật khoáng sản sau khi kết thúc khai thác; phục hồi môi trường sau khi kết thúc hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

2. Khoáng sản phải được lưu giữ, vận chuyển bằng các thiết bị chuyên dụng, được che chắn tránh phát tán ra môi trường.

3. Việc sử dụng máy móc, thiết bị, hoá chất độc hại trong thăm dò, khảo sát, khai thác, chế biến khoáng sản phải có chứng chỉ kỹ thuật và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

4. Việc khảo sát, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến dầu khí, khoáng sản khác có chứa nguyên tố phóng xạ, chất độc hại phải tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn hạt nhân, bức xạ và các quy định khác về bảo vệ môi trường.

Điều 14. Bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch

1. Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu du lịch, điểm du lịch phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau đây:

a) Niêm yết quy định về bảo vệ môi trường tại khu du lịch, điểm du lịch và hướng dẫn thực hiện;

b) Lắp đặt, bố trí đủ và hợp lý công trình vệ sinh, thiết bị thu gom chất thải;

c) Bố trí lực lượng làm vệ sinh môi trường.

2. Khách du lịch có trách nhiệm thực hiện các quy định sau đây:

a) Tuân thủ nội quy, hướng dẫn về bảo vệ môi trường của khu du lịch, điểm du lịch;

b) Đổ chất thải vào thiết bị thu gom chất thải đúng nơi quy định;

c) Giữ gìn vệ sinh nơi tham quan du lịch;

d) Không được xâm hại cảnh quan thiên nhiên, các loài sinh vật tại khu du lịch, điểm du lịch.

3. Sở Văn hoá Thể thao Du lịch chủ trì phối hợp với các sở ban ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch theo quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Không được kinh doanh, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép.

3. Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y đã hết hạn sử dụng; dụng cụ, bao bì đựng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sau khi sử dụng phải được xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

4. Khu chăn nuôi tập trung phải đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường sau đây:

a) Bảo đảm vệ sinh môi trường đối với khu dân cư;

b) Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi thải ra hệ thống chung;

c) Chất thải rắn chăn nuôi phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải, tránh phát tán ra môi trường;

d) Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ; bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh;

e) Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

5. Các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường; vận hành thường xuyên hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; đảm bảo yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định.

Điều 16. Bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thuốc thú y, hóa chất trong nuôi trồng thủy sản phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Không được sử dụng thuốc thú y, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản.

3. Thuốc thú y, hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản đã hết hạn sử dụng; bao bì đựng thuốc thú y, hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản sau khi sử dụng; bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản phải được thu gom, xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

4. Khu nuôi trồng thủy sản tập trung phải phù hợp với quy hoạch và đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường sau đây:

- a) Chất thải phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường;
- b) Phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động nuôi trồng thủy sản;
- c) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản; không được sử dụng hoá chất độc hại hoặc tích tụ độc hại.

Điều 17. Bảo vệ môi trường trong hoạt động mai táng

1. Nơi chôn cất, mai táng phải bảo đảm các yêu cầu về môi trường sau đây:

- a) Có vị trí, khoảng cách đáp ứng điều kiện về vệ sinh môi trường, cảnh quan khu dân cư;
- b) Không gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, sản xuất.

2. Việc quàn, ướp, di chuyển, chôn cất thi thể, hài cốt phải bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường.

3. Việc mai táng người chết do dịch bệnh nguy hiểm được thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

4. Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ mai táng phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về vệ sinh phòng dịch.

Điều 18. Quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư

1. Quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư phải là một nội dung của quy hoạch đô thị, khu dân cư.

2. Nội dung quy hoạch bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư bao gồm các quy hoạch về đất đai cho xây dựng kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường và các hệ thống công trình kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường sau đây:

- a) Hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung; hệ thống tiêu thoát nước mưa; hệ thống cơ sở thu gom, tập kết, xử lý, tái chế chất thải rắn;
- b) Hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất;
- c) Hệ thống công viên, khu vui chơi, giải trí, công trình vệ sinh công cộng;
- d) Hệ thống cây xanh, vùng nước;
- đ) Khu vực mai táng.

Điều 19. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với đô thị, khu dân cư tập trung

1. Đối với đô thị:

a) Có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường phù hợp với quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Có thiết bị, phương tiện thu gom, tập trung chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải và đủ khả năng tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các hộ gia đình trong khu dân cư;

c) Bảo đảm các yêu cầu về cảnh quan đô thị, vệ sinh môi trường.

2. Đối với khu dân cư:

a) Có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của khu dân cư;

b) Có nơi tập trung rác thải sinh hoạt bảo đảm vệ sinh môi trường.

3. Chủ đầu tư xây dựng mới khu dân cư tập trung, chung cư phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều này thì mới được bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Cấm xây dựng mới cơ sở sản xuất, kinh doanh tiềm ẩn nguy cơ lớn về ô nhiễm, sự cố môi trường trong đô thị, khu dân cư.

Điều 20. Bảo vệ môi trường nơi công cộng

1. Tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh ở nơi công cộng; đổ, bỏ rác vào thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

2. Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác có trách nhiệm sau đây:

a) Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh ở nơi công cộng;

b) Bố trí đủ công trình vệ sinh công cộng; phương tiện, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng nhu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường;

c) Có đủ lực lượng thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý.

Điều 21. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình

1. Hộ gia đình có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường sau đây:

a) Thu gom và chuyển chất thải sinh hoạt đến đúng nơi do tổ chức giữ gìn vệ sinh môi trường tại địa bàn quy định; xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải;

b) Không được phát tán khí thải, gây tiếng ồn và tác nhân khác vượt quá tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt của cộng đồng dân cư xung quanh;

c) Nộp đủ và đúng thời hạn các loại phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

d) Tham gia hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng và hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư;

đ) Có công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm bảo đảm vệ sinh, an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người;

e) Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong hương ước, quy ước, bản cam kết bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường là một trong những tiêu chí gia đình văn hóa.

Điều 22. Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường

1. Nhà nước khuyến khích cộng đồng dân cư thành lập tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường nơi mình sinh sống nhằm thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra, đôn đốc các hộ gia đình, cá nhân thực hiện quy định về giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức thu gom, tập kết và xử lý chất thải;

c) Giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm, khu phố, nơi công cộng;

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước về bảo vệ môi trường; tuyên truyền, vận động nhân dân xóa bỏ các hủ tục, thói quen mất vệ sinh, có hại cho môi trường;

đ) Tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn.

2. Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường được thành lập và hoạt động dựa trên nguyên tắc tự nguyện, cộng đồng trách nhiệm, tuân theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quy định về hoạt động và tạo điều kiện để tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả.

Điều 23. Quản lý chất thải

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động làm phát sinh chất thải có trách nhiệm giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng để hạn chế đến mức thấp nhất lượng chất thải phải tiêu hủy, thải bỏ; Chất thải phải được xác định nguồn thải, khối lượng, tính chất để có phương pháp và quy trình xử lý thích hợp với từng loại chất thải.

2. Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh gây phát sinh chất thải nguy hại hoặc tham gia quản lý, vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy

hại phải có trách nhiệm lập hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại để Sở Tài nguyên và Môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; gửi UBND tỉnh hoặc Bộ Tài nguyên Môi trường để cấp phép vận chuyển, xử lý, tiêu huỷ chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 12/2006/TTBTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại.

Điều 24. Sự cố môi trường

1. Tổ chức, cá nhân phát hiện dấu hiệu xảy ra sự cố môi trường cần báo ngay cho Ủy ban nhân dân địa phương hoặc cơ quan gần nhất để thực hiện việc ngăn chặn, xử lý kịp thời và phục hồi môi trường.

2. Trách nhiệm ứng phó sự cố môi trường được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố môi trường có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố;

b) Sự cố môi trường xảy ra ở cơ sở, địa phương nào thì người đứng đầu cơ sở, địa phương đó có trách nhiệm huy động khẩn cấp nhân lực, vật lực và phương tiện để ứng phó sự cố kịp thời;

c) Sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi nhiều cơ sở, địa phương thì người đứng đầu các cơ sở, địa phương nơi có sự cố có trách nhiệm cùng phối hợp ứng phó;

d) Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó sự cố của cơ sở, địa phương thì phải khẩn cấp báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp để kịp thời huy động các cơ sở, địa phương khác tham gia ứng phó sự cố môi trường; cơ sở, địa phương được yêu cầu huy động phải thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi khả năng của mình.

Điều 25. Áp dụng quy chuẩn về nước thải công nghiệp

1. Các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; các cơ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngoài khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải đạt giá trị giới hạn quy định tại Cột A QCVN 24: 2009/BVMT (có tính đến hệ số của nguồn tiếp nhận nước thải K_q và hệ số lưu lượng nguồn thải K_p) trước khi thải ra môi trường.

2. Trường hợp ngành nghề sản xuất đã có Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường thì áp dụng Quy chuẩn đó nhưng phải bảo đảm tương đương với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2008/BTNMT Cột B1 (nước dùng trong sản xuất nông nghiệp).

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 26. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo phân cấp tại Luật bảo vệ môi trường năm 2005, Nghị định số 80/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Nghị định 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 80/2006/NĐ-CP.

- a) Ban hành theo thẩm quyền quy định, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường;
- b) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;
- c) Chỉ đạo xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường của địa phương;
- d) Chỉ đạo định kỳ tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường;
- đ) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường;
- e) Chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật;
- b) Tổ chức đăng ký cấp giấy xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình và các đối tượng được quy định tại điều 24 Luật Bảo vệ môi trường;
- c) Chỉ đạo thực hiện công khai thủ tục hành chính về môi trường tại cấp huyện và cấp xã; củng cố bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu quả quản lý môi trường trên địa bàn quản lý;
- d) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; Tuyên truyền, phổ biến để nhân dân biết và áp dụng công nghệ mới ít gây ô nhiễm;
- đ) Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan liên

f) Quy hoạch xây dựng khu mai táng, cát táng trên địa bàn cấp xã đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như quy định tại điều 17 Quy định này.

Điều 27. Trách nhiệm của sở, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a. Chủ trì soạn thảo, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quyết định, chỉ thị về quản lý bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền, có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định, chỉ thị đó;

b. Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh;

c. Phối hợp với các sở, ban, ngành, các cấp chính quyền tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật và các hoạt động về bảo vệ môi trường;

d. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan giải quyết hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề môi trường liên ngành, liên huyện;

đ. Xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường và quản lý thống nhất số liệu quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh; thực hiện công bố thông tin môi trường theo quy định của pháp luật; tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường theo định kỳ và chuyên đề;

e. Tổ chức tiếp nhận hồ sơ về môi trường, lấy ý kiến của các ngành, các địa phương liên quan xem xét thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận môi trường, cơ sở thân thiện môi trường, sản phẩm thân thiện môi trường, các loại giấy phép hoạt động trong lĩnh vực môi trường theo thẩm quyền;

g. Thành lập hội đồng thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo uỷ quyền; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra và xác nhận việc thực hiện các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường và yêu cầu trong quyết định phê duyệt;

h. Thực hiện hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước trong hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo nhiệm vụ được giao;

i. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường theo pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật thanh tra, pháp luật khiếu nại tố cáo; xử lý hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các vi phạm;

k. Tham gia, hướng dẫn thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường;

l) Thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường và thông báo số phí phải nộp, thời hạn nộp tiền vào ngân sách nhà nước;

m) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn chi sự nghiệp môi trường tại các ngành, các cấp;

n. Chỉ giao đất ngoài thực địa khi các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường nộp tại sở Tài nguyên Môi trường (đối với các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với công tác bảo vệ và cải thiện môi trường đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững;

b. Chủ trì, phối hợp với ngành chức năng xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển sạch, phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường;

c. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế ưu tiên đối với các dự án đầu tư xây dựng các hệ thống, cơ sở hạ tầng xử lý môi trường, các dự án bảo vệ môi trường ở các ngành, các cấp như kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải, tái chế chất thải, vệ sinh môi trường.

3. Sở Tài chính

a. Tham mưu cho UBND tỉnh đảm bảo ngân sách cho sự nghiệp môi trường theo Luật Ngân sách và khả năng cân đối của ngân sách địa phương; cân đối bố trí chi sự nghiệp môi trường cho các ngành, các cấp kịp thời, hiệu quả;

b. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn chi sự nghiệp môi trường tại các ngành, các cấp theo quy định, đảm bảo không dưới 1% tổng chi ngân sách của tỉnh;

c. Phối hợp với các ngành, các cấp huy động nguồn lực tài chính từ các tổ chức hợp tác Quốc tế trong bảo vệ môi trường. Hướng dẫn thu, quản lý, sử dụng các quỹ bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý môi trường, nâng cao nhận thức cộng đồng.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp để tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp: trong quản lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chất thải nông nghiệp, quản lý giống cây trồng, giống vật nuôi biến đổi gen và sản phẩm của chúng, công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm; Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học; phổ biến kỹ thuật nông nghiệp về quản lý dịch hại tổng hợp;

b. Chủ trì cùng với các ngành, các địa phương liên quan thực hiện chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường trong công tác quản lý đê điều, thủy lợi, sản xuất nông nghiệp;

c. Hướng dẫn các cấp bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hoạt động chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm; tiêu huỷ gia súc, gia cầm bị dịch bệnh trên địa bàn tỉnh;

d. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường trong phòng tránh thiên tai, dịch bệnh;

đ. Kiểm tra, thanh tra việc vận chuyển, buôn bán động vật, thực vật quý, hiếm.

5. Sở Công thương

a. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp để tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại;

b. Phối hợp với các cơ quan liên quan, định hướng việc bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh; tích cực quảng bá những kỹ thuật, công nghệ có thể giúp doanh nghiệp sinh lời trong đầu tư bảo vệ môi trường;

c. Chủ trì, hướng dẫn các cơ sở sản xuất công nghiệp triển khai áp dụng các công nghệ “sản xuất sạch hơn”, tiết kiệm năng lượng;

d. Không chấp nhận công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường đầu tư vào sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Xây dựng

a. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp liên quan tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc bảo vệ môi trường đối với các hoạt động quy hoạch đô thị, khu dân cư xây dựng kết cấu hạ tầng cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn, nước thải tại đô thị, khu sản xuất dịch vụ tập trung, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung;

b. Kiểm tra hướng dẫn việc bảo vệ môi trường trong quy hoạch xây dựng đô thị, khu dân cư, khu dịch vụ tập trung; không cấp phép xây dựng đối với các cơ sở chưa thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định;

c. Chủ trì, phối hợp với sở Tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan xây dựng, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch quản lý, thu gom, xử lý, tiêu hủy, chôn lấp, tái chế chất thải rắn thông thường, chất thải công nghiệp nguy hại và quy hoạch thoát nước, xử lý nước thải đô thị trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Giao thông vận tải

a. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp liên quan tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc bảo vệ môi trường đối với lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông;

b. Kiểm tra hướng dẫn việc bảo vệ môi trường đối với hoạt động giao thông vận tải, các phương tiện tham gia giao thông, có kế hoạch xử lý các phương tiện gây ô nhiễm môi trường (bao gồm cả các phương tiện đường thủy).

8. Sở Y tế

a. Chủ trì phối hợp với các ngành, các cấp liên quan tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, phân loại xử lý chất thải y tế; công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn toàn tỉnh, đặc biệt chú trọng biện pháp xử lý nước thải, rác thải y tế từ các cơ sở khám chữa bệnh;

b. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý bảo vệ môi trường trong lĩnh vực sức khoẻ- môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và hoạt động mai táng;

c. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong phòng và dập dịch bệnh.

9. Sở Giáo dục Đào tạo

a. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các chương trình giáo dục môi trường cho các cấp học;

b. Chủ trì, phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, hướng dẫn thực hiện các chương trình tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho học sinh, tổ chức phát động và triển khai các chiến dịch học sinh với sự nghiệp phát triển bền vững, tiết kiệm tài nguyên, tái sử dụng chất thải.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

a. Chủ trì phối hợp với các ngành, các cấp liên quan xây dựng, hướng dẫn đưa kỹ thuật tiến bộ ứng dụng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; phát triển khoa học công nghệ và chuyển giao công nghệ về bảo vệ môi trường;

b. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có sáng kiến và áp dụng các giải pháp công nghệ trong bảo vệ môi trường.

11. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh

a. Có trách nhiệm huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường do thiên tai khi Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý;

b. Công an tỉnh chỉ đạo lực lượng cảnh sát môi trường và các lực lượng có liên quan của Công an tỉnh, phối hợp với các ngành, các địa phương trong phòng, chống các vi phạm, tội phạm và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo quy định pháp luật.

12. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy bảo vệ môi trường; Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ quản lý môi trường ở các ngành, các cấp, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý môi trường trên địa bàn toàn tỉnh.

13. Ban quản lý các khu công nghiệp

1. Thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ của Ban quản lý các khu công nghiệp Hưng Yên được thực hiện theo thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của Ban quản lý các khu công nghiệp:

a. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các khu chức năng trong khu công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của mình thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường khu công nghiệp;

b. Xây dựng cơ chế phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ trì trong công tác bảo vệ môi trường khu công nghiệp.

c. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận cam kết bảo vệ môi trường các dự án đầu tư vào khu công nghiệp theo sự ủy quyền của UBND tỉnh, UBND cấp huyện khi có đủ điều kiện theo quy định. Ban quản lý các khu công nghiệp được ủy quyền có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho sở Tài nguyên Môi trường; gửi bản xác nhận cam kết bảo vệ môi trường cho Phòng Tài nguyên Môi trường nơi có khu công nghiệp.

d. Chủ trì hoặc phối hợp với sở Tài nguyên Môi trường và các cơ quan chức năng kiểm tra, xác nhận kết quả chạy thử nghiệm các công trình xử lý chất thải các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các công trình xử lý chất thải của các dự án đầu tư xây dựng trong khu công nghiệp trước khi đi vào hoạt động chính thức theo thẩm quyền.

đ. Phối hợp với sở Tài nguyên Môi trường, UBND cấp huyện thực hiện việc giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp.

e. Chủ trì việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường cho các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp.

g. Tiếp nhận và giải quyết các tranh chấp, kiến nghị về môi trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp; Chủ trì và phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết tranh chấp, kiến nghị về môi trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong khu công nghiệp với bên ngoài; tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại tố cáo về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp.

h. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền hoặc được ủy quyền theo quy định pháp luật.

14. Sở Văn hoá Thể thao và du lịch, sở Thông tin Truyền thông, Đài Phát thanh Truyền hình, Báo Hưng Yên

a. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các chương trình hành động, tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường đối với cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong tỉnh;

b. Đưa tin, bài cổ vũ, động viên gương tốt, việc tốt; phê phán những việc làm chưa tốt của các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ môi trường;

c. Đưa tiêu chí bảo vệ môi trường vào việc đánh giá làng, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa. Cập nhật và công bố danh sách các công trình văn hoá, du lịch cần bảo vệ;

d. Kiểm tra hướng dẫn việc bảo vệ môi trường trong quy hoạch, chiến lược phát triển ngành du lịch trên địa bàn tỉnh; bảo đảm phát triển du lịch không xâm hại đến di sản, các loài sinh vật tại khu du lịch, điểm du lịch.

15. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường và các sở ngành liên quan rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đang áp dụng đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý những nội dung bất hợp lý và còn thiếu.

16. Chi cục Hải quan Hưng Yên

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến phế liệu nhập khẩu; hàng hoá nhập khẩu, quá cảnh.

17. Các sở, ban, ngành khác

Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc bảo vệ môi trường thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của mình; quản lý môi trường lồng ghép các hoạt động tại địa phương, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, quy định về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực ngành phụ trách.

18. Điện lực tỉnh

Xem xét tạm ngừng cấp điện năng cho các tổ chức, cá nhân gây ra sự cố môi trường nghiêm trọng gây ảnh hưởng tới tính mạng, tài sản khi có ý kiến bằng văn bản của sở Tài nguyên và môi trường.

19. Mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên:

Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân, các tổ chức thành viên tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường. Phối hợp xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư, tham gia kiểm tra, giám sát phát hiện các hành vi vi phạm luật bảo vệ môi trường và các chính sách về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ công chức, viên chức nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý bảo vệ môi trường thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. UBND các cấp, thủ trưởng các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức thanh tra, kiểm tra xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh, gây ô nhiễm môi trường.


Điều 29. Khen thưởng về bảo vệ môi trường

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc quản lý, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh thì được khen thưởng theo quy định.

2. Hàng năm, căn cứ vào thành tích bảo vệ môi trường của các tổ chức, cơ sở và căn cứ theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường để xét khen tặng các giải thưởng môi trường cấp tỉnh và đề nghị xét tặng giải thưởng môi trường cấp quốc gia.

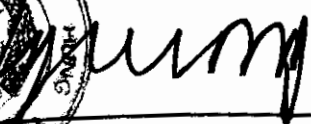
Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành có liên quan và UBND huyện, thành phố phổ biến và hướng dẫn triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn tỉnh; niêm yết công khai quy trình, thủ tục, hồ sơ, giấy phép trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, các sở, ngành; UBND các cấp huyện, xã; đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
DÂN CHỦ TỊCH




Nguyễn Văn Cường